

Bản án số: 168/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/6/2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Tâm
2. Ông Tôn Phước Thuận

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vi

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279A/2022/QĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/QĐST-TA ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Sơn D, sinh năm 1986; nơi cư trú: số 358, tổ 22, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: sau lưng vật liệu xây dựng L.T, khu phố Bình Hòa 1, phường T.P.K, huyện T.U, tỉnh B.D, (có đơn xin xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Nhựt T, sinh năm 1982; địa chỉ: số 358, tổ 22, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đào Sơn D trình bày: chị cho rằng quen biết, sau thời gian tìm hiểu chị và anh Huỳnh Nhựt T tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng, bất đồng quan

điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cự cãi, sống ly thân, chị đi làm ở tỉnh B.D và không liên lạc với anh T cho đến nay. thấy tình cảm không còn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Huỳnh Nhựt T.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Thanh N, sinh ngày 03/11/2006, Huỳnh Khải L, sinh ngày 08/8/2012, Huỳnh Gia L1, sinh ngày 07/11/2014, hiện đang sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung; chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:* Bản sao Giấy khai sinh con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của ngày 20/12/2021; bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2007.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên vợ chồng giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn với nhau nhưng tại phiên hòa giải anh T đều vắng mặt, thể hiện việc anh T không có thiện chí hàn gắn. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị D có đơn xin xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T, do các con chung đang sống cùng anh T, ý kiến của chị giao các con chung cho anh T tiếp tục, chăm sóc, giáo dục; chị không phải cấp dưỡng nuôi con; anh T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến về nội dung khởi kiện của chị D, không có ý kiến phản hồi về nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: chị Đào Sơn D và anh Huỳnh Nhựt T quen biết, sau thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 15/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng, bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do không tôn trọng nhau, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa không thể giải quyết, cố gắng hàn gắn nhưng không thể

sống chung được nữa và sống ly thân đến nay, thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Huỳnh Nhật T. Từ thời điểm chị D nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đến nay; anh T không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, chị T xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn nên mục đích hôn nhân không đạt; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T là phù hợp.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung Huỳnh Thanh N, sinh ngày 03/11/2006, Huỳnh Khải L, sinh ngày 08/8/2012, Huỳnh Gia L1, sinh ngày 07/11/2014, hiện đang sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung; chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, việc giao con cho vợ hay chồng chăm sóc nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân, các cháu sống với anh T phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, chị D không tranh chấp về quyền nuôi con; để đảm bảo cuộc sống cho các cháu nên tiếp tục giao các con chung cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; không không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, Tòa án không đề cập giải quyết;

*Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:*

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Sơn D đối với anh Huỳnh Nhật T.

- Anh Huỳnh Nhật T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung Huỳnh Thanh N, sinh ngày 03/11/2006, Huỳnh Khải L, sinh ngày 08/8/2012, Huỳnh Gia L1, sinh ngày 07/11/2014; anh Huỳnh Nhật T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, vợ chồng có 03 con chung chưa thành niên, được xác định là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Huỳnh Nhật T có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy,

căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

*[2.1] Về tính hợp pháp:*

Chị D, anh T quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, cùng tìm hiểu, không có yếu tố lừa dối hay ép buộc, thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

*[2.2] Về tình trạng hôn nhân:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong từng lời nói, mâu thuẫn do không cùng quan điểm nên thường xuyên cự cãi bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung và ly thân cho đến nay chị D trình bày chị đi làm xa, không còn liên lạc với anh T, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau; điều đó, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Thời điểm chị D khởi kiện xin ly hôn đến nay anh T không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, chị D xác định không còn tình cảm với anh T, kiên quyết ly hôn nên mục đích hôn nhân không đạt.

Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị D, anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị D ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung Huỳnh Thanh N, sinh ngày 03/11/2006, Huỳnh Khải L, sinh ngày 08/8/2012, Huỳnh Gia L1, sinh ngày 07/11/2014, hiện đang sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, chị D đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung; chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, việc giao con cho vợ hay chồng chăm sóc nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân, các cháu sống với anh T phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, chị D không tranh chấp về quyền nuôi con; để đảm bảo cuộc sống cho các cháu nên tiếp tục giao các con chung cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không yêu cầu cấp dưỡng, không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] Về án phí: chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Xử:

*1. Về hôn nhân:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Sơn D.

Cho chị Đào Sơn D được ly hôn với anh Huỳnh Nhựt T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2007, do Ủy ban nhân dân xã X, cấp ngày 15 tháng 02 năm 2007 cho chị Đào Sơn D với anh Huỳnh Nhựt T, không còn giá trị pháp lý.

*2. Về con chung:*

Giao các cháu Huỳnh Thanh N, sinh ngày 03/11/2006, Huỳnh Khải L, sinh ngày 08/8/2012, Huỳnh Gia L1, sinh ngày 07/11/2014 cho anh Huỳnh Nhựt T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động; chị Đào Sơn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đào Sơn D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Nhựt T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*3. Về tài sản chung, nợ chung:* không đề cập giải quyết.

*4. Về án phí:*

Chị Đào Sơn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010353 ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; chị D đã nộp xong.

*5. Quyền kháng cáo:*

Chị Đào Sơn D và anh Huỳnh Nhựt T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành*

*án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh A.G;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**